

HỒ CHÍ MINH – NHÀ VĂN PHÁP NGỮ

◆ TS. NGÔ TỰ LẬP

1. Hồ Chí Minh và văn học Pháp ngữ

Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX diễn ra theo hai con đường.

Con đường thứ nhất - mà ta có thể mô tả sơ lược bằng mô hình - dịch thuật, mô phỏng, sáng tạo, dẫn đến sự ra đời của văn học bằng chữ quốc ngữ. Nơi khai sinh của nó là Nam Kỳ, mảnh đất đầu tiên của Việt Nam bị thực dân Pháp thống trị, nơi sự hiện diện của Pháp toàn diện nhất và sâu đậm nhất. Chính tại đây đã xuất hiện tờ báo bằng chữ quốc ngữ đầu tiên, tờ *Gia Định báo* (1865), và tác phẩm tự sự đầu tiên, *Truyện thầy Lazarô Phiên* của Nguyễn Trọng Quản (1887). Tác phẩm này có thể khiến ta ngạc nhiên về mặt kỹ thuật: Nguyễn Trọng Quản có lẽ là tác giả Việt Nam đầu tiên sử dụng ngôn ngữ đời thường trong sáng tác văn học. Mặc dù vậy, *Truyện thầy Lazarô Phiên* là một hiện tượng khá đơn độc, ít có hiệu ứng trong đời sống văn học đương thời. Vì nhiều lý do, nó đã bị lãng quên trong một thời gian khá lâu.

Hai thập niên đầu tiên của thế kỷ XX chúng kiến sự xuất hiện của nhiều tác phẩm ít nhiều chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây, như *Sóng chết mặc bay* (1918) của Phạm Duy Tốn, *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật (1925) và các tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Năm 1925 đánh dấu thành công vang dội của Hoàng Ngọc Phách với tiểu thuyết *Tố Tâm*. Vì văn học Việt Nam vốn có truyền thống coi trọng thơ ca, thành

công của *Tố Tâm* là một bước ngoặt, khởi đầu cho sự bùng nổ của các thể loại tự sự đặc trưng cho nền văn học mới. Từ đó, văn học bằng chữ quốc ngữ phát triển rất nhanh chóng, đốt cháy mọi giai đoạn lịch sử của văn học phương Tây và đến thập niên 1930 đã thay thế hoàn toàn văn học bằng chữ Hán và chữ Nôm.

Con đường thứ hai là sáng tác trực tiếp bằng tiếng Pháp. Đóng vai trò đáng kể vào việc truyền bá quan niệm thẩm mỹ mới và sự hình thành tầng lớp trí thức Tây học, con đường này cũng dẫn đến sự ra đời của một bộ phận của văn học Việt Nam còn ít được biết đến: văn học viết bằng tiếng Pháp.

Theo khảo sát của chúng tôi, cho đến nay, ngoài một số tiểu luận và một số chương trong các chuyên khảo, như *Littérature de la péninsule indochinoise* (Văn học bán đảo Đông Dương)¹ và *Littérature Francophone* (Văn học Pháp ngữ)², mới chỉ có một cuốn sách viết riêng về đề tài này là cuốn *Tiểu thuyết Pháp ngữ Việt Nam: Văn chương đáp lại Chủ nghĩa thực dân* của Jack A. Yeager³, vốn là luận án tiến sĩ của ông. Ngoài ra, còn có bốn luận án tiến sĩ khác, trong đó ba ở Mỹ⁴ và một tại Pháp⁵.

Theo Yeager, tập văn xuôi Pháp ngữ đầu tiên của Việt Nam là *Contes et Légendes du Pays d'Annam* (Truyện cổ và thần thoại xứ An Nam, 1913). Cuốn tiểu thuyết, và có lẽ cũng là tác phẩm văn xuôi hư cấu đầu tiên, *Mademoiselle Lys* (Cô Huệ) của Nguyễn Phan Long, mãi đến năm 1921 mới xuất bản.

Alain Guillemin, chuyên gia hàng đầu của Pháp về lĩnh vực này, trong *Văn học Pháp ngữ Việt Nam: Giữa chủ nghĩa thực dân và Chủ nghĩa dân tộc* cho biết rằng từ năm 1913, thời điểm xuất bản tập thơ *Mes heures perdues* (Những giờ khắc đã mất của tôi) của Nguyễn Văn Xiêm, cho đến nay, theo thống kê chưa đầy đủ, đã thu thập được khoảng một trăm tác phẩm của 47 tác giả, bao gồm 62 tác phẩm văn xuôi (34 tiểu thuyết, 18 tập truyện kể, 8 tập tiểu sử tự thuật, 2 tập truyện ngắn), 31 tập thơ, và 6 vở kịch. Phạm Văn Ký, tác giả của 10 tiểu thuyết và tập truyện ngắn, 4 tập thơ, 3 vở kịch, do các nhà xuất bản lớn ở Paris như *Fasquelle, Le Seuil, Grasset, Gallimard, NRF* phát hành, đoạt *Giải thưởng Lớn* của Viện Hàn Lâm Pháp năm 1961, có lẽ là tác giả hội nhập sâu sắc nhất vào xã hội Pháp⁶.

Vẫn theo Alain Guillemin, trước năm 1945, ảnh hưởng của văn học Pháp ngữ Việt Nam chỉ đóng khung ở địa phương, vì trong 44 tác phẩm, 32 in tại Hà Nội và Sài Gòn, và trong số 25 tác phẩm văn xuôi, chỉ có 3 in ở Pháp. Tuy nhiên, Alain Guillemin cho rằng có lẽ mảng truyện ngắn đã bị đánh giá chưa đúng mức, bởi lẽ đó mới chỉ là các tuyển tập, vì thế chúng ta “cần khảo sát khảo sát các báo và tạp chí Pháp ngữ xuất hiện trong thời thuộc địa”⁷.

Nhận xét của Alain Guillemin rất đúng với trường hợp Nguyễn Ái Quốc. Theo chúng tôi, Nguyễn Ái Quốc phải được coi là một trong những nhà văn Pháp ngữ Việt Nam sớm nhất và thành công nhất.

Như chúng ta sẽ bàn ở phần dưới bài viết này, Nguyễn Ái Quốc đến sống tại Pháp vào khoảng cuối năm 1916 hoặc đầu năm 1917. Chàng trai Việt Nam hai mươi bảy tuổi kết thân với nhiều nhà hoạt động

cách mạng quốc tế, và nhanh chóng trở thành một cây bút quan trọng của báo chí của các nhóm cách mạng thuộc địa hoạt động ở Paris.

Brent Hayes Edwards, trong bài *The Shadow of Shadows*⁸, khi so sánh sự tương đồng giữa Nguyễn Ái Quốc và nhà hoạt động cách mạng người Senegal Lamine Senghor, có viết: “Trong bài này, tôi sẽ tập trung vào tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc, hẳn là cây bút quan trọng và kỳ lạ nhất trong các nhóm cách mạng ở Paris trong nửa đầu thập kỷ 1920, người đã cho đăng cả một con lũ bài viết thuộc nhiều thể loại không chỉ trên tờ *Le Paria*, mà cả trên *L’Humanité, Le Journal du Peuple, La Voix Ouvrière, Le Libétaire, Clarté, và L’Action Coloniale*. Rất nhanh chóng, đến khoảng đầu năm 1922, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định được một phong cách trào phúng, công khai chống thực dân, xác lập rộng rãi cái mà J. S. Spiegelger định danh là phong cách “tài liệu” đặc trưng cho Liên hiệp thuộc địa trên tờ *Người cùng khổ*, thường bao gồm những bài báo cấu tạo từ “một chuỗi liên tục những mẫu chuyện: tường thuật về các vụ việc dã man và tàn bạo ở thuộc địa bang ngôn từ bạo lực, xen kẽ với các bình luận ngắn, thường là mỉa mai cay đắng”⁹.

Không chỉ viết báo, tiểu luận, Nguyễn Ái Quốc còn viết truyện. Một số tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc viết trong giai đoạn từ 1922 đến 1925 về sau được Phạm Huy Thông tập hợp, dịch sang tiếng Việt và xuất bản năm 1974 dưới nhan đề *Truyện và ký*¹⁰. Brent Hayes Edwards gọi nhiều bài viết của Nguyễn Ái Quốc là những “Kiệt tác nhỏ về thể văn nhại và tiểu luận” (“There are a number of little masterpieces of parody, essays”) và đánh giá cao những cách tân

văn chương của Nguyễn Ái Quốc mà ông coi là đóng vai trò không thể thiếu trong sự phát triển tư duy chính trị của các chiến sĩ cách mạng thuộc địa¹¹.

Nguyễn Ái Quốc bắt đầu sáng tác như thế nào? Theo tác giả Trần Dân Tiên, ý tưởng gửi *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến hội nghị Versailles là của Nguyễn Ái Quốc, nhưng văn bản lại do Phan Văn Trường viết, vì khi đó Nguyễn Ái Quốc chưa viết được bằng tiếng Pháp. Những bài báo đầu tiên, Nguyễn Ái Quốc cũng phải nhờ Phan Văn Trường viết¹². Trần Dân Tiên viết: “Nhược điểm về tri thức làm cho ông Nguyễn rất khó chịu. Nhất là ông Trường không viết tất cả những điều ông Nguyễn muốn nói. Vì vậy, ông Nguyễn bắt tay vào việc học làm báo”¹³. Quá trình khổ luyện của Hồ Chí Minh để học viết báo được Trần Dân Tiên mô tả trong cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* và về sau được chính Hồ Chí Minh kể lại trong bài *Cách viết*. Theo đó, bài báo đầu tiên của Hồ Chí Minh được đăng trên tờ *Sinh hoạt công nhân* (La vie ouvrière)¹⁴.

Nguyễn Ái Quốc học viết văn qua việc đọc tác phẩm của những văn hào thế giới, như Shakespeare, Dickens (bằng tiếng Anh), Lỗ Tấn (bằng tiếng Trung Hoa) và Hugo, Zola (bằng tiếng Pháp): “Anatole France và L. Tolstoy, ông Nguyễn thấy hứng thú về văn chương giản dị và tự nhiên: “Người ta chỉ cần viết điều gì người ta thấy và cảm, bằng cách nắm lấy màu sắc và hoạt động của sự vật như thế thì viết cũng không khó lắm”¹⁵.

Tác giả Trần Dân Tiên cho biết, truyện ngắn Pháp ngữ đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc là *Cảnh sinh hoạt của thợ thuyền An Nam* đăng hai kỳ trên *L’Humanité*, ngày

18.3.1922. Trần Dân Tiên viết: “Ông Nguyễn tả đời sống thợ thuyền ở Paris, mà cũng là đời sống của ông lúc đó. Tờ báo đã trả bài này một trăm quan. Thật là một số tiền lớn lúc bấy giờ. Đó là một thành công lớn về hai mặt: văn chương và tài chính. Thành công đầu tiên này đã khuyến khích ông Nguyễn viết những truyện ngắn khác”¹⁶. Quả thật, tiếp theo đó là hàng loạt tác phẩm khác như *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (Les lamentations de Trung-Trac), *Paris* (Trích *Những bức thư gửi cô em họ - Extrait de Lettres à ma cousine*), *Con người biết mùi hun khói* (Enfumé), đều in trên tờ *L’Humanité* trong năm 1922, chỉ một năm sau *Mademoiselle Lys* của Nguyễn Phan Long.

Sự tiến bộ nhanh chóng trong sáng tác của Nguyễn Ái Quốc khiến những kẻ bất tài và ác ý không thể tin được. Thụy Khuê, trong cuốn *Nhân văn giai phẩm và vấn đề Nguyễn Ái Quốc*¹⁷, không chỉ nghi ngờ mà còn ra sức bôi nhọ Hồ Chí Minh. Phong cách của Thụy Khuê là nói lieù, với toàn những giả định, phỏng đoán (“đường như”, “có thể”, “có lẽ”, “không có lý gì”, “chưa chắc đã”...). Với thái độ hóm hỉnh, Thụy Khuê dùng đến cả những ngôn từ khiếm nhã, như bảo Trần Dân Tiên/ Hồ Chí Minh, một nhà cách mạng được hàng triệu người kính trọng đáng tuổi ông của bà, là “nói bậy” (trang 569). Lỗi ứng xử mà bất kỳ ai có học đều phải cảm thấy xấu hổ.

Bất chấp bằng chứng, Thụy Khuê phán rằng: 1) Nguyễn Tất Thành đến Pháp vào tháng 6 năm 1919 (tr. 569); 2) Trước khi đến Pháp, Nguyễn Tất Thành không hề biết tiếng Pháp (tr. 566-567) 3) Là người kém cỏi, “sớm bỏ học, trình độ quốc ngữ kém”, chỉ ở Pháp mấy năm, Tất Thành không thể học tiếng Pháp đủ giỏi để viết báo (tr. 600). Từ

đó, bà kết luận như đinh đóng cột rằng tất cả những tác phẩm ký tên Nguyễn Ái Quốc là của Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thế Truyền. Thụy Khuê thậm chí còn sáng tác ra một chuyện nực cười là Hồ Chí Minh “giỏi chữ Hán hơn quốc ngữ” nên phải viết cuốn sách ký tên Trần Dân Tiên bằng chữ Hán và bản dịch quốc ngữ của nó “chắc phải do Vũ Kỳ và những người “quan Bác” thực hiện, vì trình độ quốc ngữ của Bác không cao”¹⁸.

Về những lập luận tùy tiện của Thụy Khuê đã bị nhiều người bác bỏ, chúng tôi chỉ xin nhắc lại vài trong số các tài liệu đã được kiểm chứng.

Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Paris khi nào? Michèle Zecchini, đảng viên Xã hội Pháp, cựu nhân viên báo *L'Humanité*, viết trong bài *Le Calligraphe* (tạp chí *Planète*, số 3.1970): “Lần đầu tiên tôi gặp anh Nguyễn là vào tháng 7 năm 1918, lúc bấy giờ anh đã quen biết khá nhiều với các đồng chí người Pháp như Charles Longuet, Marcel Cachin, Paul Vaillant Couturier, Léon Blum”¹⁹. Boris Souvarine, một nhà cách mạng thời đó, trong *De Nguyen Ai Quoc en Ho Chi Minh*, trên tạp chí *Est et Ouest* (1-15.3.1976), cho biết đã gặp Nguyễn Tất Thành vào năm 1917²⁰. Nhưng đáng tin cậy nhất là hồ sơ của cảnh sát Pháp. Báo cáo đề ngày 8.1.1920 của tên mật thám tên Jean chuyên theo dõi Nguyễn Ái Quốc viết: “Quốc có thể là người Miền Trung, Vinh hoặc Huế theo giọng nói của ông. Ông ta nói qua cho tôi biết là đã từng ở Mĩ và Anh trước khi đến Pháp từ bốn năm nay”²¹.

Tất nhiên, mọi tài liệu đều có thể nghi ngờ, nhưng so sánh các nguồn tài liệu gốc khác nhau, chúng ta buộc phải đồng ý với đa số các nhà nghiên cứu, trong đó có tác

giả Thu Trang, rằng Nguyễn Ái Quốc đến Pháp không muộn hơn 1917²².

Trước khi trở lại Pháp Nguyễn Tất Thành đã biết tiếng Pháp chưa? Xin thưa, Tất Thành đã tốt nghiệp xuất sắc trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba trước khi thi đỗ vào hệ Thành chung trường Quốc học²³. Năm 1911, anh sang Pháp bằng công việc phụ bếp trên một chiếc tàu Pháp. Anh sống và làm việc tại Pháp khoảng một năm, trong đó có sáu tháng làm vườn cho một gia đình giàu có người Pháp. Làm đơn gửi Tổng thống Pháp xin học Trường thuộc địa không thành, anh lại trở về làm việc trên một con tàu Pháp, qua nhiều nước rồi đến Hoa Kỳ. Cả lá đơn xin học nói trên và hai lá thư Tất Thành gửi cho Khâm sứ Trung Kỳ, một từ Sài Gòn (năm 1911), một từ New York (năm 1912), để hỏi thăm tình hình và gửi tiền cho cha đều viết bằng một thứ tiếng Pháp chính xác, chuẩn mực. Như vậy, không thể nói rằng trước năm 1917 Nguyễn Ái Quốc không biết tiếng Pháp.

Trình độ tiếng Pháp của Nguyễn Ái Quốc như thế nào? Ví dụ ưa thích của Thụy Khuê là một tài liệu video của Viện Nghe nhìn Quốc gia Pháp (Institut National Audiovisuel) ghi buổi Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn của một nhà báo Pháp năm 1964. Trong tài liệu này, Hồ Chủ tịch nói: “Le peuple Vietnam, c'est un UN et le pays du Vietnam, c'est UN” (Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một). Thụy Khuê chê Hồ Chí Minh nói tiếng Pháp dở, vì theo bà “người Pháp không nói như thế”²⁴. Nhận xét của Thụy Khuê cho thấy điều gì?

Thứ nhất, định kiến để làm người ta mất lý trí. Thật ra, những người công tâm đều công nhận rằng với một cụ già người Việt bảy mươi lăm tuổi, chỉ sống ở Pháp khoảng

sáu năm và đã cách xa cộng đồng nói tiếng Pháp tới bốn mươi năm, việc trả lời phỏng vấn trực tiếp bằng tiếng Pháp, về những chủ đề lớn lao của quốc gia, với trình độ như vậy là vô cùng xuất sắc.

Thứ hai, dù sống ở Pháp lâu hơn nhiều, trong điều kiện thuận lợi hơn rất nhiều, bà Thụy Khuê vẫn chỉ biết được thứ tiếng Pháp thông tục mà người Pháp “ai cũng nói thể” và người ngoại quốc có thể học như con vẹt. Bà không tiếp cận được thứ ngôn ngữ sáng tạo mà người bản ngữ không nói thể nhưng có thể nói thể. Chẳng hạn, nếu con bạn biếng ăn, bảo ăn gì nó cũng trả lời “Con không thích”, bạn có thể nói: “Xin chào Con-không-thích!” Ví dụ khác: “Make in Vietnam” là một mệnh lệnh (Hãy sản xuất tại Việt Nam). Nhưng khi “Make in Vietnam” trở thành một phong trào, ta có thể nói “Đây là một sản phẩm Make-in-Vietnam”, dù người Anh không ai nói thế. Thụy Khuê không hiểu rằng “nói theo cách không ai nói thể” chính là một ví dụ về thủ pháp “lạ hóa” trong văn chương.

Trên thực tế, các tài liệu mà ngày nay chúng ta có được, đặc biệt là hồ sơ của cảnh sát Pháp, chứng tỏ rằng tiếng Pháp của Nguyễn Tất Thành khi đó đã khá tốt. Báo cáo của Tổng thanh tra Guesde ngày 28.11.1919 có ghi: “Nguyễn Ái Quốc đã ở châu Âu từ 5 đến 6 năm, đã từng ở Anh và nói trôi chảy hai thứ tiếng Anh và Pháp, ông ta cũng tự cho biết là nói được cả tiếng Trung Quốc, Tây Ban Nha và Ý Đại Lợi nữa”²⁵. Một mật báo khác nhan đề “*Những ghi chú của Jean về Nguyễn Ái Quốc*”, đề ngày 10.12.1919, viết: “Đó là một trí thức, nhưng nói năng có vẻ khô khan, biết viết và nói khá tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, đọc và nói được tiếng Ý”²⁶. Mật thám

Pháp cũng theo sát và mô tả chi tiết những hoạt động đa dạng của Nguyễn Ái Quốc: diễn thuyết, tranh luận, gặp gỡ nhiều người nổi tiếng, trong đó có cả Bộ trưởng Bộ thuộc địa, nguyên Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut (cuộc gặp đầu tiên diễn ra ngày 6.9.1919).

Tất nhiên, để có thể viết văn, làm báo, như vậy là chưa đủ. Hồ sơ của cảnh sát Pháp cho thấy Nguyễn Ái Quốc miệt mài học tập trong thư viện. Một mật báo đề ngày 17.9.1920 mô tả: “Nguyễn không hề có thẻ căn cước bản xứ. Anh ta chỉ có giấy chứng minh được cấp ngày 4.9.1919 khi trình lá thư giới thiệu của ông Daniel Renoult, nhà báo, và một thẻ Thư viện Quốc gia được cấp nhờ có sự giới thiệu của ông Longuet, nghị viên”²⁷. Ngoài ra, anh còn ra sức học hỏi từ các hội nghệ thuật, khoa học, du lịch, các hội thảo và bạn bè, đồng chí. Khi viết bằng ngoại ngữ, nhất là ở giai đoạn đầu, người ta thường phải nhờ các đồng nghiệp bản ngữ chỉnh sửa về ngôn từ. Ngoài Phan Văn Trường mà anh coi là thầy, Nguyễn Ái Quốc còn may mắn có được sự giúp đỡ của các nhà văn, nhà báo, chính trị gia Pháp như Léon Blum, Vaillant Couturier, Marcel Cachin, Mac Saugnier, Jean Longuet, Romain Roland và nhiều người khác. Vừa làm vừa học, Nguyễn Ái Quốc trở thành báo, nhà văn như vậy.

Sự mẫn cán của mật thám Pháp trong trường hợp này thật là đáng ca ngợi. Chính nhờ những mật báo của họ mà ngày nay ta biết được khá tường tận quá trình sáng tác của Nguyễn Ái Quốc, từ việc hình thành ý tưởng, sưu tầm tư liệu, lập đề cương, tiến độ hoàn thành bản thảo, đến việc mời người viết lời tựa và cả kế hoạch công bố. Chẳng hạn, trong mật báo ngày 9-16.3.1920,

viên mật thám tên Jean viết: “Quốc đã viết xong cuốn sách và sẽ đi gặp ông Cachin và Longuet để nhờ viết tựa”. Ngày 29.4.1920 hấn viết: “Hôm nay, Nguyễn Ái Quốc đã viết xong kết luận cuốn sách”. Ngày 15.5.1920, hấn lại viết: “Nguyễn Ái Quốc đã đưa cuốn sách của ông đến cho ông Cachin để tựa hôm thứ năm 13 vừa qua”²⁸.

Truyện ngắn và ký văn học của Nguyễn Ái Quốc khá độc đáo và hiện đại, đặc biệt nếu đặt trong bối cảnh đầu thập niên 1920, nghĩa là mấy năm trước *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách và hàng chục năm trước Tự lực văn đoàn.

Những tác phẩm viết bằng tiếng Pháp của Nguyễn Ái Quốc được đón nhận khá tích cực trong cộng đồng những chiến sĩ cách mạng quốc tế. Theo Brent Hayes Edwards, sáng tác của nhà cách mạng trẻ tuổi Việt Nam còn âm vang nhiều năm sau khi anh rời Paris đi Moskva năm 1923, đặc biệt trong sáng tác của Lamine Senghor: “Một câu trong tác phẩm *Con người biết mùi hun khói* (rằng “cụ Kimengô đã ra sức thức tỉnh anh em cùng màu da ra khỏi giấc ngủ mê say của con người nô lệ”) vọng lại trong đoạn kết bài diễn văn Lamine Senghor đọc tại Đại hội Phản đế tại Bruxelles. Việc sử dụng hình minh họa trong *La violation d'un pays* (Úc hiếp một dân tộc), và thậm chí cả giọng văn châm biếm có lẽ một phần cũng được Senghor học theo gương Nguyễn”²⁹.

2. Hồ Chí Minh và văn học viễn tượng

Trong những tác phẩm văn xuôi của Nguyễn Ái Quốc, *Con người biết mùi hun khói* (“*Enfumé*”, in lần đầu tiên trên tờ *L'Humanité*, 1922) là một trường hợp rất đặc biệt. Hayes Edwards viết: “Chính ở mục đó (*Contes et récits*) trên *L'Humanité* vào tháng Tám, Nguyễn Ái Quốc công bố thử nghiệm

đáng kinh ngạc nhất của anh, một truyện ngắn khác nhan đề *Con người biết mùi hun khói*”³⁰. Tác phẩm này, đúng như Brent Hayes Edwards nhận định, là một truyện ngắn đáng kinh ngạc về nhiều mặt.

Trước hết là tính quốc tế. Brent Hayes Edwards nhận thấy tác phẩm được bắt đầu bằng lời đề tặng một người Algeria bị một sĩ quan Pháp tên là Vidart giết hại: “Xin tặng Nahông³¹, người đã bị quân phiệt thực dân ám hại, bài viết này”. Lời đề tặng này lại được đặt trong sự tương phản với đoạn trích lời Albert Sarraut, bộ trưởng bộ thuộc địa: “Chính cuộc chinh phục hệ thống thuộc địa đã rèn luyện tài năng chiến đấu của số đông những nhà chỉ huy quân sự lớn của ta, những con người đã đưa ta đến chiến thắng, đã được dư luận Pháp ca ngợi vinh quang và chiến công ngay khi mang lá cờ nước ta đến dưới những bầu trời châu Phi hay châu Á”³².

Nhưng xin hãy đọc tác phẩm:

“Hautxa,³³ tháng 1 năm 1998.

Thành phố Hautxa cò xí tung bùng. Tường đầu như một vị chúa xuân đã gõ cây đũa thần lên gõ ván khô khốc ở các bao lon và các cửa sổ, làm mọc ra muôn vàn tấm lá đỏ phấp phới yêu kiều trước gió. Đây là lễ kỷ niệm lần thứ năm mươi ngày thành lập Cộng hòa Liên hiệp Phi. Chưa bao giờ dân chúng lại tham gia với mức độ ấy những hội hè loại này. Từ sáng sớm, các đường phố, các quảng trường y như một dòng sông người. Tùng đoàn học sinh, giương cờ đi đầu, vừa diễu qua các phố vừa hát *Quốc tế ca*, được dân chúng vỗ tay hoan nghênh. Trên quảng trường Xô-viết, một cụ già hào đảm đông. Đó là cố Kimengô, mệnh danh là *Con người biết mùi hun khói*”³⁴.

Cảnh tượng dân chúng “vừa đi qua các phố vừa hát Quốc tế ca” trên quảng trường Xô-viết phản ánh sự chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc từ một đảng viên Đảng xã hội (từ tháng 2.1919) thành một đảng viên đảng Cộng sản (từ đại hội Tours tháng 12.1920). Nhưng tinh thần quốc tế trong *Con người biết mùi hun khói*, cũng như trong nhiều tác phẩm khác của Nguyễn Ái Quốc giai đoạn này, có liên hệ mật thiết đến *Hội liên hiệp thuộc địa* (thành lập năm 1921) mà Nguyễn Ái Quốc là một trong những người sáng lập và một thành viên Ban chấp hành. Mục đích của *Hội liên hiệp thuộc địa* được nêu rõ trong điều lệ là “tập hợp và hướng dẫn cho mọi người dân các xứ thuộc địa sống trên đất Pháp để soi sáng cho những người dân ở thuộc địa về tình hình mọi mặt ở nước Pháp nhằm mục đích đoàn kết họ; thảo luận và nghiên cứu tất cả những vấn đề chính trị và kinh tế của thuộc địa”³⁵. *Con người biết mùi hun khói* có lẽ là tác phẩm hư cấu mang tinh thần nhân loại đầu tiên của một tác giả Việt Nam.

Nét độc đáo hơn của *Con người biết mùi hun khói* là tính viễn tưởng, điều khiến Brent Hayes Edwards sững sốt. Ông viết: “Tiếp đó, thật khác thường, là bối cảnh và thời điểm, được nêu ngay trước dòng đầu tiên của văn bản: “Hautxa, tháng 1 năm 1998”. Ta đọc đi đọc lại cái mốc này. Tác phẩm là thử nghiệm hư cấu dự báo tương lai đầu tiên – và theo tôi biết là duy nhất – của Nguyễn Ái Quốc. *Con người biết mùi hun khói* được đặt trong bối cảnh gần bảy mươi lăm năm sau, ngay trước bình minh của thiên niên kỷ mới”³⁶.

Nhưng điều còn kỳ lạ hơn cả tính viễn tưởng là tính tiên tri. Nếu lưu ý rằng trong truyện, lễ kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập

Cộng hoà liên hiệp Phi diễn ra vào năm 1998, ta sẽ thấy Nguyễn Ái Quốc đã tiên đoán rất chính xác sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa vào thời điểm bản lề của hai thập kỷ 1940 và 1950. Brent Hayes Edwards viết: “Một sự mở đầu chỉ có thể mô tả là đáng kinh ngạc: truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc đã đoán trước chiến thắng của cách mạng Cộng sản (vào năm 1948!), nhưng bối cảnh không phải ở Châu Âu, nơi Nguyễn sáng tác, cũng không phải ở Đông Dương, nơi chôn rau cắt rốn của anh. Thay vào đó, cuộc cách mạng được đặt tại châu Phi, rõ ràng là trong một “Cộng hòa Liên bang Châu Phi”, một viễn cảnh Đại-Phi Châu”³⁷.

Thực ra, ở Việt Nam, cả tính viễn tưởng và lẫn tính tiên tri của truyện ngắn *Con người biết mùi hun khói* đã được nhiều người nói đến từ lâu, ít nhất là từ thập niên 1970. Sau khi tập *Truyện và ký* do Phạm Huy Thông dịch được xuất bản, một số truyện, trong đó có *Con người biết mùi hun khói*, được giảng dạy trong nhà trường. Dịch giả Phạm Huy Thông viết năm 1974: “Đặc biệt lạ lùng là quang cảnh tung bồng “lễ kỷ niệm lần thứ năm mươi ngày thành lập Cộng hòa liên hiệp Phi” với hình ảnh kính yêu của lãnh tụ Ki-men-gô mái tóc bạc phơ, mắt hiền dịu và nhìn sâu thẳm, miệng luôn tươi cười, từ toàn bộ con người toát ra nhân từ và cao quý. Thật là một đoạn văn kỳ diệu! Kỳ diệu đối với người đọc năm 1922, càng kỳ diệu đối với chúng ta ngày nay, sau khi đã tận mắt thấy Cách mạng tháng Tám thành công và hệ thống thuộc địa thế giới tan vỡ...”³⁸.

Lê Chí Dũng cũng viết trong bài “*Người biết mùi hun khói*” của Nguyễn Ái Quốc và sự ra đời của nhân vật tích cực của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn học Việt Nam:

“Trong những văn phẩm nghệ thuật [...] người nghệ sĩ cách mạng có thể vút băng về tương lai xa xôi. Truyện ngắn *Người biết mùi hun khói chính là sự vút băng tuyệt diệu như vậy về phía tương lai*” (Lê Chí Dũng nhấn mạnh)³⁹.

Điều mà Brent Hayes Edwards và các nhà nghiên cứu Việt Nam không biết là *Con người biết mùi hun khói* của Nguyễn Ái Quốc không chỉ là tác phẩm hư cấu viễn tưởng đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc, mà còn là tác phẩm đầu tiên thuộc thể loại viễn tưởng trong văn chương hiện đại Việt Nam.

Brent Hayes Edwards cũng không biết rằng *Con người biết mùi hun khói* không phải là truyện viễn tưởng duy nhất của Hồ Chí Minh. Sau này ông còn trở lại với thể loại này ít nhất một lần nữa, trong *Giấc ngủ mười năm* (1949), với bút danh Trần Lực⁴⁰. Ở Việt Nam, đã nhiều người viết về tác phẩm này. Chính Phạm Huy Thông, dịch giả của *Hồ Chí Minh*, cũng nhắc đến tác phẩm này khi bàn về sự những lối viết đa dạng của Hồ Chủ tịch: “Và vẫn còn đây, mà lại viết bằng tiếng Việt, thiên bút ký viễn tưởng *Giấc ngủ mười năm*”⁴¹.

Giấc ngủ mười năm có văn phong giản dị, thậm chí chất phác, phù hợp với tính cách của nhân vật chính – anh nông dân “Nông Văn Minh, người Nùng Cao Bằng. Sinh năm 1920”. Nông Văn Minh là con nhà nghèo, lên mười tuổi đã phải đi ở chăn trâu. Được giác ngộ cách mạng, sau năm 1945 anh tham gia vào Vệ Quốc quân đánh Tây. Trong trận đánh đèo Bông Lau năm 1947, Minh bị thương vào đầu, ngất đi. Khi tỉnh lại, anh thấy mình đang nằm trong bệnh viện. Một cô gái trẻ ông chăm lấy anh hôn lấy hôn để làm Minh ngưng nghịu. Đây là đoạn cao trào trong bệnh viện:

“- Đồng chí chó làm thế. Anh em họ cười chết! Đây là đâu, hử cô? Cô là ai?

Cô ấy nhẹ nhàng trả lời:

- Đây là Dinh dưỡng đường Cự Hồ. Tôi... là...

Nghe nói Cự Hồ, tôi liền hỏi:

- Cự ở đâu? Cự có mạnh khỏe không, đồng chí?

- Cự vẫn khỏe luôn. Cô ấy vừa nói vừa ghé cốc sữa gần miệng tôi, bảo tôi uống một hớp.

Uống xong hai hớp sữa, tôi hỏi tiếp:

- Cô biết bộ đội của tôi nay ở đâu không? Trận Bông Lau thắng chứ?

Cô bé ngập ngừng một phút rồi nói:

- Bộ đội... ở... hình như đóng ở Thủ đô... Trận Bông Lau... Trận Bông Lau quân ta thắng to.

Nghe nói vậy, tôi mừng quá. Tôi muốn ngồi dậy, đi tìm bộ đội của tôi ngay. Cô bé dịu dàng bảo tôi khoan dậy đã. Quen giữ kỷ luật, tôi cứ nằm im rồi hỏi:

- Thế thì Việt Bắc thế nào rồi? Giặc Pháp thất bại chứ? Tôi đến đây đã mấy hôm?

Cô bé mỉm cười không trả lời. Nhè nhẹ bước qua buồng bên cạnh. Sau một phút trở vào, tay cầm quyển lịch, chỉ cho tôi xem. Tôi lẩm bẩm đọc:

“Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Độc lập, Tự do, Hạnh phúc

15 tháng 8 năm 1958”.

Tôi giật mình rú lên:

- Trời ơi! Tôi vào đây mười năm rồi sao? Tôi ngủ mười năm rồi sao?

Cô bé lại ôm tôi hôn. Tôi lại nhè nhẹ đẩy cô ta ra.

Cô vừa khóc thút thít vừa nói:

- Cha quên con rồi sao? Cha không nhận được con nữa hay sao? Con là Đào đây mà!”

Hóa ra cô gái chính là con gái anh, nay đã lớn, đang học đại học y khoa. Cô con gái ngồi kể cho bố nghe về những đổi thay trên quê hương đã hoàn toàn độc lập.”

Giấc ngủ mười năm, cũng giống như *Con người biết mùi hun khói*, không chỉ là truyện viễn tưởng mà còn có tính tiên tri. Được Tổng bộ Việt Minh xuất bản tại Việt Bắc năm 1949, nhưng các sự kiện ở đầu và cuối truyện cách nhau khoảng mười năm, 1948 và 1958. Tác giả dường như đã đoán trước thời điểm và diễn biến nhiều sự kiện: sự tăng cường viện trợ quân sự của Mỹ cho Pháp (“Năm 1949, chúng tiếp được viện binh bằng máy bay. Quân ta bắn rơi mấy chiếc, xét ra không phải máy bay của Pháp, mà của một nước ngoài...”); thành công của phong trào Bình Dân học vụ (“Thi đua bắt đầu từ tháng 6 năm 1948 đến tháng 6 năm 1953, trong nước ta già trẻ gái trai đều biết đọc biết viết hết, chỉ sót một người”); và đặc biệt là ngày toàn thắng: thời điểm nhân vật tỉnh dậy và gặp con gái là năm 1958. Đọc đoạn sau đây ta có cảm giác như là tác giả nói về chiến dịch Điện Biên Phủ:

“Quân ta yên lặng, để mặc chúng kéo vào các làng. Bất thành linh, một tiếng hiệu lệnh, bốn phía đạn bay. Quân địch bị ta vây kín. Chúng không thể cứu viện được nhau, bị ta tiêu diệt gần hết.

Trong lúc hai bên đang kịch chiến ở ngoài thì các đội cảm tử của ta lên vào thành từ trước, toán thì đột kích vào các cơ quan của địch, toán thì mò vào phá máy bay, đốt kho dầu.

Trận đó là trận cuối cùng. Chỉ trong và ngoài thành Hà Nội đã có hơn một vạn giặc chết và bị thương, chưa kể những thành phố khác.

Tin thất bại về đến Pháp, cả nước xôn xao, đòi lập tức giảng hòa với ta. Quốc hội Pháp đánh đổ chính phủ cũ, bầu ra chính phủ mới. Chính phủ này liền phái đại biểu qua thương lượng với Chính phủ ta⁴².

Giấc ngủ mười năm có thể khiến ta liên tưởng đến chuyện Từ Thức, nhưng tôi muốn so sánh nó với *Rip Van Winkle* của văn hào Mĩ Washington Irving. *Rip Van Winkle* kể về một anh chàng chất phác, vô công rồi nghề, trốn tránh vợ con vào rừng cùng con chó và khẩu súng săn. Anh ta uống rượu với những người lùn rồi ngủ quên. Khi trở về, anh ta ngạc nhiên trước những đổi thay. Hóa ra 20 năm đã trôi qua, vợ anh đã chết, con gái anh đã lấy chồng và cuộc cách mạng giải phóng đã biến xứ thuộc địa của Anh ngày nào thành một quốc gia độc lập.

Là một người hâm mộ cuộc cách mạng giải phóng thuộc địa của nhân dân Mĩ, am tường văn hóa Mĩ và từng sống ở Mĩ, chắc hẳn Hồ Chí Minh có đọc Washington Irving. Theo tôi, khi viết *Giấc ngủ mười năm* Hồ Chí Minh có ít nhiều lấy cảm hứng từ *Rip Van Winkle*. Chúng tôi cũng xin chia sẻ một cảm nghĩ cá nhân: tên tác phẩm *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* ký tên Trần Dân Tiên cũng phảng phất tên một tác phẩm khác của Washington Irving, đó là *The Life of George Washington* (Cuộc đời George Washington). Tuy nhiên, *Giấc ngủ mười năm* và *Con người biết mùi hun khói* có ý nghĩa tiên tri mà tác phẩm của Washington Irving không có. ■

Chú thích:

¹ Bernard Hue et al (1999), *Littérature de la péninsule indochinoise*, Paris, Karthala – AUF, Paris.

² Charles Bonn et Xavier Garnier (dir, 1999), *Littérature Francophone*, Paris, Hatier -AUF.

³ J. A. Yeager (1990), *The Vietnamese Novel in French : A Literary Response to Colonialism*, Hanover, New Hampshire University Press.

⁴ Đó là: Nguyen Hon Nhiem Lucy (1992), *L'échiquier et l'antinomie : Je/moi comme singe et substance du conflit Occident - Extrême-Orient dans les oeuvres de Pham Van Ky*, University of Massachussets Amhers, 1992 ; Sharon Julie Lim-Hing (1993), *Vietnamese Novels in French : Rewriting Self, Gender and Nation*, Harvard University; Lily Veronica Chiu (2004), *Alter/Native : Imagining and Performing the Native Woman in Francophone and Vietnamese Literature*, University of Michigan. (Chú thích của Alain Guillemin).

⁵ Nguyễn Giáng Hương (2015), *La poétique du sujet multiculturel dans le roman vietnamien francophone de l'époque coloniale, dans la première moitié du XXe siècle*, Université Paris Ouest Nanterre.

⁶ Alain Guillemin nguyên là giám đốc nghiên cứu tại Viện nghiên cứu Đông Nam Á (Institut de Recherche sur le Sud-Est Asiatique, Marseille). Bài *La Littérature Vietnamienne Francophone : Entre Colonialisme et Nationalisme* được ông gửi riêng cho tôi. (NTL).

⁷ "Il est probable que le poids des nouvelles est sous-estimé car, surtout en ce qui concerne les récits courts édités au Vietnam, il ne s'agit que de publications en volume. Une enquête dans les nombreux journaux et revues francophones parus pendant la période coloniale serait nécessaire".

⁸ Brent Hayes Edwards: "The Shadow of Shadows", trong *Positions: East Asia Cultures Critique*, Volume 11, Number 1, Spring 2003, tr. 11-49.

⁹ "I will concentrate here particularly on the work of Nguyen Ai Quoc, who may well stand as the most important and prodigious writer in radical circles in Paris during the first part of the 1920s, publishing a torrent of wide-ranging articles not only in *Le Paria* but also in *L'Humanité*, *Le Journal du Peuple*, *La Voix*

Ouvrière, *Le Libertaire*, *Clarté*, and *L'Action Coloniale*. Remarkably quickly, by the beginning of 1922, Nguyen Ai Quoc had established an expressly anti-colonial, satiric style, largely defining what J. S. Spiegler terms "the characteristic Union Intercoloniale 'documentary' style" in *Le paria*, which consisted most often of articles composed "of a continuous series of anecdotes: accounts of incidents of colonial barbarity and atrocities couched in violent terms, interspersed with short, often bitterly ironic comments". Brent Hayes Edwards, *The Shadow of Shadows*. Tr. 33.

¹⁰ Nguyễn Ái Quốc (1974), *Truyện và ký*, (Phạm Huy Thông dịch), NXB. Văn học, Hanoi.

¹¹ "It is even more surprising that literary innovation - and efforts in fiction in particular - play an indispensable role in the development of a number of anticolonial militants' sense of politics". Brent Hayes Edwards, tr. 33.

¹² Trong tập 1 bộ *Hồ Chí Minh toàn tập*, những văn bản này in ở phần "Những bài ký tên chung", tr. 469.

¹³ Trần Dân Tiên (2008), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB. Thanh niên, tr. 33.

¹⁴ *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ ba, T.8. Chính trị quốc gia, tr. 205-212. Bài báo đó có lẽ là bài 10 trường học, 1500 đại lý rượu, *La vie ouvrière*, No 100, 1/4/1921.

¹⁵ Trần Dân Tiên (2008), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB. Thanh niên, tr. 34.

¹⁶ Trần Dân Tiên (2008), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB. Thanh niên, tr. 34.

¹⁷ Thụy Khuê: "Nhân văn giai phẩm và vấn đề Nguyễn Ái Quốc", *Tiếng quê hương*, Virginia, 2012.

¹⁸ Thụy Khuê: "Nhân văn giai phẩm và vấn đề Nguyễn Ái Quốc", *Tiếng quê hương*, Virginia, 2012, tr. 561.

¹⁹ Thu Trang (2002), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris (1917-1923)*, NXB. Chính trị quốc gia, tr. 71.

²¹ Alain Ruscio (2019), *Ho Chi Minh, écrits et combats*, Le temps des cerises, 2019; tr. 58.

²¹ Thu Trang (2002), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris (1917-1923)*, NXB. Chính trị quốc gia, tr. 45.

²² Thu Trang (2002), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris (1917-1923)*, in lần thứ hai, NXB. Chính trị quốc gia, tr. 47.

²³ Xem Nguyễn Đắc Xuân (2008), *Đi tìm dấu tích thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế*, Văn học.

²⁴ Thụy Khuê: “Nhân văn giai phẩm và vấn đề Nguyễn Ái Quốc”, *Tiếng quê hương*, Virginia, 2012. Tr. 653.

²⁵ Thu Trang (2002), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris (1917-1923)*, NXB. Chính trị quốc gia, tr. 43.

²⁶ Thu Trang (2002), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris (1917-1923)*, NXB. Chính trị quốc gia, tr.101.

²⁷ Alain Ruscio (2019), *Hồ Chí Minh, écrits et combats*, Le temps des cerises, tr. 49.

²⁸ Thu Trang (2002), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris (1917-1923)*, Chính trị quốc gia, tr. 147-149. Xem thêm toàn bộ chương *Những hoạt động đa dạng của Nguyễn Ái Quốc. Liên lạc với bè bạn quốc tế. Hoàn thành tác phẩm “Những người bị áp bức”*, tr. 98-149.

²⁹ “A line from “L’Enfumé” (that Papa Kimengo had “done everything to awaken his brothers of color from the deep sleep of the slave”) echoes in the conclusion of Senghor’s speech at the Brussels congress of the League against Imperialism. Senghor’s use of illustrations in *La violation d’un pays*, and even some elements of his sarcastic tone, might well be derived in part from Nguyen’s example”. Brent Hayes Edwards, *The Shadow of Shadows*, tr. 40.

³⁰ “In the same *L’Humanité* column in August, Nguyen Ai Quoc published the most striking of his efforts, another *récit* titled “L’Enfumé” [The one who was smoked out], Brent Hayes Edwards, *The Shadow of Shadows*, tr. 35.

³¹ Nahông là một người lính thuộc địa đã bị một tên quan ba Pháp giết hại năm 1922 ở miền Đông Maroc (chú thích của ban biên tập *Hồ Chí Minh toàn tập*, tr. 105).

³² *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ ba, T.1. NXB. Chính trị quốc gia, tr. 105.

³³ Hautxa là tên một tộc người ở Tây Phi. Tác giả lấy tên đó đặt cho một thành phố tưởng tượng của châu Phi độc lập và thống nhất trong tương lai (chú thích của ban biên tập *Hồ Chí Minh toàn tập*, tr. 105).

³⁴ *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ ba, T.1. NXB. Chính trị quốc gia, tr. 105-106

³⁵ *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ ba, T.1. NXB. Chính trị quốc gia, tr. 482.

³⁶ “Then, unusually, a setting and date, indicated before the first line of text: “Haoussas, janvier 1998”. One reads this marker and reads it again. The story is Nguyen Ai Quoc’s first—and to my knowledge, only—effort at futuristic speculative fiction. “L’enfumé” [End Page 36] is set nearly seventy-five years into the future, just before the dawn of the millennium”. Brent Hayes Edwards, *The Shadow of Shadows*, tr. 36-37.

³⁷ “This opening can only be described as stunning: Nguyen Ai Quoc’s tale imagines the future victory (in 1948!) of a communist revolution, but the setting is neither Europe, where Nguyen is writing, nor Indochina, his own place of birth. Instead, the revolution is situated in Africa, in what appears to be a Pan-African vision of an “African Federative Republic”. Brent Hayes Edwards, *The Shadow of Shadows*, tr. 37.

³⁸ Phạm Huy Thông: “Nghệ thuật viết văn của Hồ Chủ tịch qua “Truyện và ký””, trong Đỗ Quang Lưu (tuyển chọn), *Tập Nghiên cứu bình luận chọn lọc về thơ văn Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Hà Nội, 1999, tr. 304.

³⁹ Lê Chí Dũng: “Người biết mùi hun khói” của Nguyễn Ái Quốc và sự ra đời của nhân vật tích cực của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn học Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học*, n° 1, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1985, tr. 8-10.

⁴⁰ *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ ba, T.6. NXB. Chính trị quốc gia, tr. 81-100.

⁴¹ Phạm Huy Thông: “Nghệ thuật viết văn của Hồ Chủ tịch qua “Truyện và ký””, trong Đỗ Quang Lưu (tuyển chọn), *Tập Nghiên cứu bình luận chọn lọc về thơ văn Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Hà Nội, 1999, tr. 294.

⁴² *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ ba, T.6. NXB. Chính trị quốc gia, tr. 96-97.